

Số: **126** /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày **27** tháng 11 năm 2018

**TỜ TRÌNH**

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 4 ban hành Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020

TƯ CUNG BẢO & TIN HỌC Q. NGÃI	
<b>ĐẾN</b>	Số: ..... <b>10871</b> .....
	Ngày: ..... <b>27/11/18</b> .....
	Chuyên: .....

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 407/HĐND-KTNS ngày 26/10/2018, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 4 ban hành Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng từ năm ngân sách 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định tại Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh cơ bản thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đã được ban hành, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hợp lý trong phân bổ dự toán ngân sách, tăng tính chủ động, linh hoạt trong xây dựng dự toán ngân sách cũng như trong quản lý và sử dụng ngân sách, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, qua kết quả rà soát, UBND tỉnh xét thấy định mức phân bổ chi quản lý hành chính, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu hoạt động của cơ quan hành chính, hoạt động sự nghiệp giáo dục và bổ sung định mức phân bổ thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính (gồm: Chăm sóc cây xanh, điện chiếu sáng, sửa chữa công trình hạ tầng đô thị, ...) đối với đô thị loại II, loại IV để phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương, nên việc ban hành Nghị quyết này là hết sức cần thiết và được áp dụng từ năm ngân sách 2019.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Sửa đổi, bổ sung định mức phân bổ chi quản lý hành chính, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục và bổ sung định mức phân bổ thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính tại đô thị loại II, loại IV nhằm đáp ứng được nhu cầu hoạt động của cơ quan hành chính, hoạt động sự nghiệp giáo dục và thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính tại đô thị loại II, loại IV trong thời gian đến.

### **2. Quan điểm chỉ đạo**

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 407/HĐND-KTNS ngày 26/10/2018, UBND tỉnh đã giao cho Sở Tài chính chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết theo quy định.

Sau khi xây dựng hoàn thành nội dung dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, địa phương có liên quan bằng văn bản. Sau khi tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan có liên quan, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 210/BC-STP ngày 16/11/2018, cơ quan chủ trì soạn thảo đã trình UBND tỉnh họp cho ý kiến vào ngày 22/11/2018 và đã hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết để trình HĐND tỉnh tại kỳ họp này.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được xây dựng dưới hình thức quy định trực tiếp, trong đó gồm 05 điều (gồm: Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh; Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Định mức phân bổ ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh; Điều 3. Bãi bỏ và thay thế một số cụm từ của Định mức phân bổ ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh; Điều 4. Tổ chức thực hiện và Điều 5. Hiệu lực thi hành).

### **2. Nội dung cơ bản**

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh ban hành Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, như sau:

**2.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh, như sau:**

“1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của các sở, ban ngành thuộc tỉnh, các cơ quan, đơn vị khác ở tỉnh và UBND các huyện, thành phố (bao gồm cấp huyện và cấp xã). Định mức phân bổ đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành đến ngày 31/5/2016 (chưa bao gồm các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều và các chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; chính sách điều động, luân chuyển theo Quyết định số 457/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh; chính sách thu hút sinh viên về công tác ở xã theo Quyết định số 458/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh; chính sách cán bộ công chức cấp xã nghỉ việc, thôi việc theo Quyết định số 459/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh; hỗ trợ đi đào tạo trong và ngoài nước theo Quyết định số 481/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh; ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng và chữa cháy rừng theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh; chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; ...)”.

Thành: “1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của các sở, ban ngành thuộc tỉnh, các cơ quan, đơn vị khác ở tỉnh và UBND các huyện, thành phố (bao gồm cấp huyện và cấp xã). Định mức phân bổ đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành đến ngày 31/5/2016 (chưa bao gồm các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều và các chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng và chữa cháy rừng theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh; chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; ...)”.

**2.2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh, như sau:**

**2.2.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1:**

“2. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên: Áp dụng theo phương pháp lũy thoái (*định mức giảm dần đối với số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao*), không bao gồm lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, cụ thể:

DVT: Triệu đồng/biên chế/năm

Tiêu chí	Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh	Định mức điều chỉnh
Từ biên chế thứ 20 trở xuống	26	36
Từ biên chế thứ 21 đến thứ 40	24	33
Từ biên chế thứ 41 trở lên	22	30

*Định mức phân bổ bao gồm:*

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin, truyền truyền, liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng.

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá giám sát đầu tư; chi hỗ trợ hoạt động công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan.

- Kinh phí chi quản lý hành chính thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương và địa phương ban hành đến ngày 30/9/2018.

- Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng; kinh phí mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (*trừ máy photocopy*) phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và quy định của UBND tỉnh.

*Định mức phân bổ không bao gồm:*

- Quỹ tiền lương.

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các sở, cơ quan tỉnh: Đóng niên liễm; kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại hội cấp tỉnh, Hội nghị cấp tỉnh được cấp thẩm quyền cho phép; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành được UBND tỉnh quyết định thành lập; chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở; kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê

duyet.

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của các cơ quan không đưa được vào định mức phân bổ: trang phục, kinh phí trích theo số thu thực nộp ngân sách địa phương; kinh phí hoạt động lưu trữ; hỗ trợ các tổ chức tôn giáo; kinh phí sản xuất hiện vật thi đua khen thưởng.

- Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định”.

Lý do điều chỉnh: Để đảm bảo kinh phí hoạt động của cơ quan hành chính cấp tỉnh.

**2.2.2.** Thay đổi cụm từ “*Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh*” thành cụm từ “*Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh*” tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 14.

Lý do thay đổi: Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ đã thay thế Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ.

**2.2.3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 6:**

“1. Phân bổ theo tiêu chí biên chế và chia theo vùng.

*Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm*

<b>Phân theo vùng</b>	<b>Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh</b>	<b>Định mức điều chỉnh</b>
Đô thị	20	24
Đồng bằng	21	26
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	22	28
Vùng cao - hải đảo	22	30

2. Định mức nêu trên bao gồm cả các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên, các khoản chi hành chính, nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm của cơ quan; kinh phí mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (*trừ máy photocopy*) phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và quy định của UBND tỉnh.

5. Bổ sung để đảm bảo các hoạt động ở huyện, thành phố:

Bổ sung kinh phí cho huyện để đảm bảo các hoạt động như chế độ chi tiêu của HĐND huyện và một số nhiệm vụ khác theo các mức sau:

a) Huyện Tây Trà, Sơn Tây, Lý Sơn: 4.000 triệu đồng/huyện/năm (đang thực hiện 3.200 triệu đồng/huyện/năm).

b) Huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long: 3.800 triệu đồng/huyện/năm (đang thực hiện 3.000 triệu đồng/huyện/năm).

c) Các huyện, thành phố còn lại: 3.500 triệu đồng/huyện/năm (đang thực hiện 2.700 triệu đồng/huyện/năm)".

Lý do điều chỉnh: Để đảm bảo kinh phí hoạt động của cơ quan hành chính cấp huyện.

#### 2.2.4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 7:

"1. Định mức phân bổ: Theo tiêu chí dân số từ 1 đến 15 tuổi và theo vùng:

Đơn vị tính: Đồng/người/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh	Định mức điều chỉnh
Đô thị	500.000	600.000
Đồng bằng	500.000	700.000
Miền núi - vùng đông bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	700.000	900.000
Vùng cao - hải đảo	700.000	1.000.000

Trên cơ sở định mức trên, nếu tỷ lệ chi giảng dạy và học tập nhỏ hơn 18% so với chi tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và phụ cấp được tính bảo hiểm xã hội thì được bổ sung đủ 18%.

2. Định mức phân bổ trên bao gồm:

a) Tính đủ kinh phí hoạt động cho các cấp giáo dục từ mầm non đến trung học cơ sở và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

b) Chi tăng cường cơ sở vật chất, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ dạy và học. Ngoài ra, tùy theo khả năng cân đối ngân sách, ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện việc chống xuống cấp cơ sở vật chất trường học đảm bảo an toàn cho học sinh và mua sắm trang thiết bị.

Lý do điều chỉnh: Để đảm bảo kinh phí hoạt động sự nghiệp giáo dục.

5. Bổ nội dung "Bổ sung cho các huyện Sơn Tây, Trà Bồng, Tây Trà, Minh Long, Ba Tơ có dân số trong độ tuổi đến trường thấp hơn 20.000 dân để đảm bảo hoạt động giáo dục, mỗi huyện 2.000 triệu đồng".

Lý do: Đã điều chỉnh tăng định mức, đồng thời phân bổ kinh phí đảm bảo đủ 18% trên tổng chi sự nghiệp giáo dục như đã nêu trên.

**2.2.5. Bổ nội dung quy định tại khoản 4 Điều 12 “Bổ sung kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ”.**

Lý do: Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019 (Quyết định số 25/2018/QĐ-TTg ngày 06/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

**2.2.6. Bổ sung vào cuối khoản 1 Điều 15:**

“Ngoài ra, bổ sung thêm để thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính tại đô thị loại II là 15.000 triệu đồng, đô thị loại IV là 7.500 triệu đồng”.

Lý do bổ sung: Để đảm bảo kinh phí để thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính (*chăm sóc cây xanh, điện chiếu sáng, sửa chữa, . . .*) tại đô thị loại II và loại IV.

**2.2.7. Sửa đổi Điều 18:**

“Được tính 2% trên tổng chi ngân sách cấp huyện”

Lý do sửa đổi: Cho phù hợp với quy định tại Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước.

**2.2.8. Sửa đổi, bổ sung Điều 19:**

**“Điều 19. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính**

1. Theo tiêu chí số cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và theo vùng.

*Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm*

<b>Phân theo vùng</b>	<b>Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh</b>	<b>Định mức phân bổ đề nghị điều chỉnh</b>
Đô thị	14	17
Đồng bằng	14	18
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	15	19
Vùng cao - hải đảo	15	20

2. Định mức nêu trên bao gồm cả các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên, các khoản chi hành chính, nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm của cơ quan; kinh phí mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (*trừ máy photocopy*) phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và quy định của UBND tỉnh.

3. Bổ sung kinh phí cho cấp xã để đảm bảo các hoạt động như chế độ chi tiêu của HĐND cấp xã, thù lao đội công tác xã hội tình nguyện theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh và một số nhiệm vụ khác theo các mức sau:

a) Xã hải đảo: 600 triệu đồng/xã/năm (đang thực hiện 500 triệu đồng/xã/năm).

b) Xã vùng cao: 550 triệu đồng/xã/năm (đang thực hiện 450 triệu đồng/xã/năm).

c) Các xã, phường, thị trấn còn lại: 500 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm (đang thực hiện 400 triệu đồng/xã/năm).

Lý do điều chỉnh: Để đảm bảo kinh phí hoạt động của cơ quan hành chính cấp xã.

4. Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, ...) tính theo quy định hiện hành.

5. Kinh phí cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố theo Quyết định 26/2014/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 của UBND tỉnh và phụ cấp đại biểu HĐND xã, phụ cấp cấp ủy xã tính theo quy định hiện hành”.

2.2.9. Thay đổi cụm từ “*Định mức trên đã bao gồm kinh phí thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” theo Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 04/11/2011*” thành cụm từ “*Định mức trên đã bao gồm kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh*” tại Điều 21.

Lý do điều chỉnh: Thay đổi cho phù hợp với Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 12 xem xét, quyết nghị (kèm theo dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 4 ban hành Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, KT.dat742.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2 /2018/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020

Dự thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT0BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

"1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của các Sở, ban ngành thuộc tỉnh, các cơ quan, đơn vị khác ở tỉnh và UBND các huyện, thành phố (bao gồm cấp huyện và cấp xã). Định mức phân bổ đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành đến ngày 31/5/2016 (chưa bao gồm các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều và các chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP

ngày 2/10/2015 của Chính phủ, hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng và chữa cháy rừng theo QĐ số 08/2015/QĐ-UBND; chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;...)"

**Điều 2.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017- năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

1. Khoản 2 Điều 1 sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên: áp dụng theo phương pháp lũy thoái (định mức giảm dần đối với số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao), không bao gồm lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, cụ thể:

- Từ biên chế thứ 20 trở xuống: Tính 36 triệu đồng/biên chế/năm.
- Từ biên chế thứ 21 đến thứ 40: Tính 33 triệu đồng/biên chế/năm.
- Từ biên chế thứ 41 trở lên: Tính 30 triệu đồng/biên chế/năm.

*Định mức phân bổ bao gồm:*

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin, truyền truyền, liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng.

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá giám sát đầu tư; chi hỗ trợ hoạt động công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan.

- Kinh phí chi quản lý hành chính thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương và địa phương ban hành đến ngày 30/9/2018.

- Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng; kinh phí mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (trừ máy photocopy) phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và quy định của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

*Định mức phân bổ không bao gồm:*

- Quỹ tiền lương.  
- Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các Sở, cơ quan tỉnh: Đóng niên liễm; kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại hội cấp tỉnh, Hội nghị cấp tỉnh được cấp thẩm quyền cho phép; chi hoạt động

của các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành được UBND tỉnh quyết định thành lập; chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở; kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của các cơ quan không đưa được vào định mức phân bổ: trang phục, kinh phí trích theo sổ thu thực nộp ngân sách địa phương; kinh phí hoạt động lưu trữ; hỗ trợ các tổ chức tôn giáo; kinh phí sản xuất hiện vật thi đua khen thưởng.

- Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định”.

2. Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Phân bổ theo tiêu chí biên chế và chia theo vùng.

*Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm*

Phân theo vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	24
Đồng bằng	26
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	28
Vùng cao - hải đảo	30

2. Định mức nêu trên bao gồm cả các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên, các khoản chi hành chính, nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm của cơ quan; kinh phí mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (trừ máy photocopy) phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và quy định của UBND tỉnh Quảng Ngãi”.

3. Khoản 5 Điều 6 sửa đổi như sau:

“5. Bổ sung để đảm bảo các hoạt động ở huyện, thành phố:

Bổ sung kinh phí cho huyện để đảm bảo các hoạt động như chế độ chi tiêu của HĐND huyện và một số nhiệm vụ khác theo các mức sau:

a) Huyện Tây Trà, Sơn Tây, Lý Sơn: 4.000 triệu đồng/huyện/năm.

b) Huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long: 3.800 triệu đồng/huyện/năm.

c) Các huyện, thành phố còn lại: 3.500 triệu đồng/huyện/năm”.

4. Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Định mức phân bổ: Theo tiêu chí dân số từ 1 đến 15 tuổi và theo vùng  
Đồng/người/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	600.000
Đồng bằng	700.000
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng,	900.000

vùng sâu	
Vùng cao - hải đảo	1.000.000

Trên cơ sở định mức trên, nếu tỷ lệ chi giảng dạy và học tập nhỏ hơn 18% so với chi tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và phụ cấp được tính bảo hiểm xã hội thì được bổ sung đủ 18%.

2. Định mức phân bổ trên bao gồm:

a) Tính đủ kinh phí hoạt động cho các cấp giáo dục từ mầm non đến trung học cơ sở và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

b) Chi tăng cường cơ sở vật chất, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ dạy và học. Ngoài ra, tùy theo khả năng cân đối ngân sách, ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện việc chống xuống cấp cơ sở vật chất trường học đảm bảo an toàn cho học sinh và mua sắm trang thiết bị”.

5. Bổ sung vào cuối khoản 1 Điều 15:

“Ngoài ra, bổ sung thêm để thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính tại đô thị loại II là 15.000 triệu đồng, đô thị loại IV là 7.500 triệu đồng”.

6. Điều 18 sửa đổi như sau:

**“Điều 18. Phân bổ dự phòng ngân sách**

Được tính 2% trên tổng chi ngân sách cấp huyện”

7. Điều 19 sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 19. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính**

1. Theo tiêu chí số cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và theo vùng.

*Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm*

Phân theo vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	17
Đồng bằng	18
Miền núi - vùng đông bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	19
Vùng cao - hải đảo	20

2. Định mức nêu trên bao gồm cả các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên, các khoản chi hành chính, nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm của cơ quan; kinh phí mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (trừ máy photocopy) phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và quy định của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bổ sung kinh phí cho cấp xã để đảm bảo các hoạt động như chế độ chi tiêu của HĐND cấp xã, thù lao đội công tác xã hội tình nguyện theo Quyết định

số 43/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh và một số nhiệm vụ khác theo các mức sau:

- a) Xã hải đảo: 600 triệu đồng/xã/năm.
- b) Xã vùng cao: 550 triệu đồng/xã/năm.
- c) Các xã, phường, thị trấn còn lại: 500 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm

4. Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) tính theo quy định hiện hành.

5. Kinh phí cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố theo Quyết định 26/2014/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 của UBND và phụ cấp đại biểu HĐND xã, phụ cấp cấp ủy xã tính theo quy định hiện hành”.

### **Điều 3.**

1. Bãi bỏ Khoản 5 Điều 7 định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017- năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Bãi bỏ Khoản 4 Điều 12 định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017- năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thay đổi cụm từ “Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh” thành cụm từ “ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh” tại Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 4, Khoản 1 Điều 13 và Khoản 1 Điều 14 định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017- năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thay đổi cụm từ “Định mức trên đã bao gồm kinh phí thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” theo Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 04/11/2011” thành cụm từ “Định mức trên đã bao gồm kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh” tại Điều 21 định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017- năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày tháng năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Những nội dung khác của Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh không sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế – Bộ Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBMT TQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH và ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và tin học tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, báo Quảng Ngãi;
- Lưu VT, KTNS.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**